TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/DS –ST.
Ngày: 29/11/2018.
Về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Tô Hoàng Vũ; 2. Ông: Đặng Văn Hai.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Vân An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST-DS, ngày 06/3/2018, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2018/QĐST-DS, ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, địa chỉ: Số 266 – 268, đường N, Phường 8, Quận 3, Tp H.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Ngọc N, địa chỉ: A4-A5-A6 N, Phường 2, tp S, tỉnh Đ. Theo văn bản ủy quyền số: 3981/2017/GUQ-PL, ngày 15/12/2017.

Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc N là ông Nguyễn Văn T, phó Phòng giao dịch S – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh S. Theo văn bản ủy quyền số 106/2018/GUQ-PGDSĐ, ngày 06/4/2018 (có mặt).

Bị đơn: Lê Văn T, sinh năm: 1952; Trần Thị Lệ T, sinh năm 1953, cùng địa chỉ: Số nhà 135, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2018; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín -chi nhánh Đ – Phòng giao dịch S trình bày:

Ngày 16/02/2017, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch S cùng ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1704700240, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài

sản gắn liền với đất số 1704700240 ngày 16/02/2017, theo đó Ngân hàng cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T vay 700.000.000đ, thời hạn vay 10 năm, lãi suất 10,5%/năm. Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T có thế chấp các tài sản là bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 245, tờ bản đồ 07, diện tích 150,6m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899321, số vào sổ GCN: CH03096 và thửa đất 244, tờ bản đồ 07, diện tích 153,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899320, số vào sổ GCN: CH03095, do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 16/3/2016 cho ông Lê Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 17/11/2017 ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T phải thanh toán gốc và lãi 17.500.000đ định kỳ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, nhưng ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi. Đến ngày 25/11/2017 ông Lê Văn T thanh toán 12.000.000đ nhưng số tiền gốc phải trả là 17.500.000đ và lãi phát sinh vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã gửi thông báo nợ quá hạn đến ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T yêu cầu thanh toán về khoản nợ vay trên nhưng ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T vẫn không thực hiện trả nợ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần được ký giữa ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S.

Ngoài ra Ngân hàng còn ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2017 cho ông T với hạn mức 50.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng. Ngày 31/12/2017 ông T đã nhận số tiền 50.521.373đ nhưng đến nay không trả vốn và lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T có trách nhiệm liên đới trả vốn cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch S 653.000.000đ, lãi tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 12/02/2018 là 62.982.435đ, tổng cộng vốn và lãi là 715.982.435đ; yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T còn phải tiếp tục có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần kể từ 13/02/2018 cho đến khi trả nợ xong; Trường hợp đến hạn mà ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất 245, tờ bản đồ 07, diện tích 150,6m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899321, số vào sổ GCN: CH03096 và thửa đất 244, tờ bản đồ 07, diện tích 153,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899320, số vào sổ GCN: CH03095, do Ủy ban nhân dân thành phố S, cấp ngày 16/3/2016 cho ông Lê Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ; sau khi ông T và bà T liên đới trả nợ xong cho Ngân hàng mà tài sản thế chấp không bị phát mại để thi hành án thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T toàn bộ bản chính các giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 1704700240 ngày 16/02/2017 (Ngân hàng đang giữ).

Đồng thời Ngân hàng còn yêu cầu ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vốn 50.521.373đ, lãi tính từ ngày 01/01/2018 - 12/02/2018 là 2.715.543đ, tổng vốn và lãi 53.236.907đ tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kể từ 13/02/2018 cho đến khi trả nợ xong.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T trực tiếp ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch S có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T có trách nhiệm liên đới trả vốn cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch S 653.000.000đ, lãi tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 12/02/2018 là 62.982.435đ, tổng vốn và lãi là 715.982.435đ. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vốn 50.521.373đ, lãi tính từ ngày 01/01/2018 - 12/02/2018 là 2.715.543đ, tổng vốn và lãi 53.236.907đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và các đương sự ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định nhưng các đương sự cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch S yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín 653.000.000đ và lãi tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 12/02/2018 là 62.982.435đ, tổng vốn và lãi là 715.982.435đ là có căn cứ, bởi lẽ vào ngày 16/02/2017 vợ chồng ông T, bà T có đến Ngân hàng làm thủ tục vay vốn để xây dựng nhà, được Ngân hàng ký kết tại Hợp đồng tín dụng nợ giảm dần LD 1704700240; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liến vối đất số 1704700240; cam kết thế chấp; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, ông T và bà T tự nguyện ký tên vào các hợp

đồng và các cam kết thế chấp trên để vay số tiền 700.000.000đ, thời hạn vay 10 năm, lãi suất 10,5%/năm hình thức trả theo định kỳ hàng tháng. Ngân hàng thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng và Ngân hàng đã thanh toán số tiền 700.000.000đ cho ông T, bà T ký nhận vào giấy nhận nợ ngày 17/02/2017 nhưng ông T, bà T không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể là ngày 17/11/2017 theo Hợp đồng tín dụng nợ giảm dần ông T, bà T phải thanh toán tiền gốc và lãi theo định kỳ hàng quý cho Ngân hàng là 17.500.000đ nhưng đến ngày 25/11/2017 ông T, bà T thanh toán 12.000.000đ và đến nay không trả vốn và lãi, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T thanh toán nợ và gửi thông báo nợ quá hạn nhưng đến nay ông T, bà T không trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Đối với bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T trực tiếp ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của Ngân hàng, điều đó chứng tỏ ông T, bà T đã tự từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử buộc ông T, bà T có trách nhiệm liên đới trả vốn 653.000.000đ, lãi tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 12/02/2018 là 62.982.435đ, tổng vốn và lãi là 715.982.435đ cho Ngân hàng theo Hợp đồng là phù hợp các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu ông T trả vốn và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là có cơ sở vì vào ngày 10/3/2017 ông T thỏa thuận ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ông T đã nhận số tiền 50.521.373đ vào ngày 31/12/2017 nhưng đến nay không trả vốn và lãi cho Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Đối với ông T đã trực tiếp ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chổ, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay các văn bản phản bác về yêu cầu của Ngân hàng, điều đó chứng tỏ ông T đã tự từ bỏ quyền phản bác, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh về việc yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử buộc ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn 50.521.373đ, lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 12/02/2018 là 2.715.543đ, tổng vốn và lãi 53.236.907đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là phù hợp các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T còn phải tiếp tục có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần kể từ 13/02/2018 cho đến khi trả nợ xong. Đối với ông T còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kể từ 13/02/2018 cho đến khi

trả nợ xong là phù hợp các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 466: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ..."

.....

Tại khoản 5 Điều 466: "Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Trường hợp đến hạn mà ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất 245, tờ bản đồ 07, diện tích 150,6m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899321, số vào sổ GCN: CH03096 và thửa đất 244, tờ bản đồ 07, diện tích 153,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899320, số vào sổ GCN: CH03095, do Ủy ban nhân dân thành phố S, cấp ngày 16/3/2016 cho ông Lê Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T liên đới trả nợ xong cho Ngân hàng mà tài sản thế chấp không bị phát mại để thi hành án thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T toàn bộ bản chính các giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: LD 1704700240 ngày 16/02/2017 (Ngân hàng đang giữ) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sư; điểm b khoản 1, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm b khoản 1, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S.

Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S số tiền vốn 653.000.000đ và lãi tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 12/02/2018 là 62.982.435đ, tổng cộng vốn và lãi là 715.982.435đ (bảy trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần LD 1704700240 ngày 16/02/2017. Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền vốn vay, kể từ ngày 13/02/2018 cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận ký kết trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần LD 1704700240 ngày 16/02/2017.

Buộc ông Lê Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S số tiền vốn vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2017 là 50.521.373 đồng, lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 12/02/2018 là 2.715.543 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 53.236.916đ (năm mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm mười sáu đồng). Ông Lê Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất đối với số tiền vốn vay, kể từ ngày 13/02/2018 cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2017.

Trường hợp đến hạn mà ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất 245, tờ bản đồ 07, diện tích 150,6m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899321, số vào sổ GCN: CH03096 và thửa đất 244, tờ bản đồ 07, diện tích 153,8m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CC899320, số vào sổ GCN: CH03095, do Ủy ban nhân dân thành phố S, cấp ngày 16/3/2016 cho ông Lê Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Sau khi ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T liên đới trả nợ xong cho Ngân hàng mà tài sản thế chấp không bị phát mại để thi hành án thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T toàn bộ bản chính các giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 1704700240 ngày 16/02/2017 (Ngân hàng đang giữ).

Về án phí; Tạm ứng án phí:

Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Lệ T phải liên đới chịu 32.639.000đ (ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T phải chịu 2.662.000đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch S 17.385.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001122, ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA